

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/BCSĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Ban cán sự Đảng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Chu Ngọc Anh

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2020
VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP NGÀY 01/01/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 01 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/NQ-CP) và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 02/NQ-CP), căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/BCSD ngày 03/01/2020 của Ban cán sự Đảng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Chương trình hành động với những nội dung chính sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách năm 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết tâm thực hiện nghiêm túc phương châm hành động của năm do Chính phủ đề ra là **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”**.

2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ được phân công tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP thành các chỉ tiêu cụ thể phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ để thực hiện có hiệu quả kế hoạch ngành khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2020, gắn kết nhiệm vụ KH&CN và đổi mới sáng tạo với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Phân công các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo

1.1. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu thực sự là động lực chính của mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

1.2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế để phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách và thể chế đột phá cho các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, ứng dụng công nghệ cao.

1.3. Tập trung xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ để thực thi các cam kết trong Hiệp định CPTPP.

2. Củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững

2.1. Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước; tăng cường thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

2.2. Quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Thực hiện phân bổ, thông báo vốn đầu tư công cho từng dự án theo đúng quyết định của các cấp có thẩm quyền.

2.3. Giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn vay. Đảm bảo quản lý và sử dụng vốn vay đúng mục đích, tiến độ theo kế hoạch.

2.4. Tiết kiệm chi thường xuyên, cân đối, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, hạn chế mua ô tô, trang thiết bị đắt tiền; tiết kiệm tối đa chi tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết và công tác nước ngoài.

2.5. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch. Phần đấu đưa tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại

3.1. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, thành lập các trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo

ở Việt Nam, định hướng phát triển, mở rộng mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

3.2. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp để bảo đảm lấy doanh nghiệp làm trung tâm của phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ, đổi mới công nghệ; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, nhất là công nghệ đã qua sử dụng, khuyến khích nhập khẩu công nghệ cao.

3.3. Hoàn thiện hành lang pháp lý phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, ưu tiên kết nối với các nhà khoa học, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có điều kiện thuận lợi thâm nhập thị trường.

3.4. Thực thi có hiệu quả chính sách đào tạo, thu hút và trọng dụng cán bộ KH&CN từ các nguồn sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học uy tín ở nước ngoài.

3.5. Phát triển thị trường KH&CN, phát triển thị trường các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng thành tựu KH&CN tiên tiến, kinh tế chia sẻ, kinh tế số... theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

3.6. Tái cơ cấu các Chương trình KH&CN Quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, tăng cường hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH&NV phục vụ thiết thực quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

3.7. Nâng cao tiềm lực KH&CN, tập trung triển khai các hướng nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, nhất là các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xây dựng Chiến lược trí tuệ nhân tạo của quốc gia; xây dựng danh mục công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế chính sách đột phá để thu hút các dự án công nghệ cao. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ, toàn diện Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa".

3.8. Đẩy mạnh xây dựng CSDL Quốc gia về KH&CN phục vụ công khai, minh bạch thông tin về hoạt động KH&CN; tăng cường công tác thống kê KH&CN và đổi mới sáng tạo phục vụ thiết thực công tác quản lý và hoạch định chính sách; phát triển nguồn tin KH&CN.

3.9. Bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện hiệu quả các giải pháp

hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp.

3.10. Tiếp tục xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với khu vực và quốc tế; phối hợp với Tổ chức năng suất châu Á xây dựng Kế hoạch tổng thể quốc gia về năng suất hướng đến phát triển dựa trên đổi mới sáng tạo; thành lập Trung tâm xuất sắc về đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất.

3.11. Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình.

3.12. Tăng cường xã hội hóa đầu tư cho KH&CN và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp về kinh tế, thương mại, đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh để kích cầu công nghệ và nhu cầu đổi mới sáng tạo từ khu vực doanh nghiệp, phát huy Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để hỗ trợ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

3.13. Tập trung ứng dụng khoa học, công nghệ phát triển những ngành kinh tế mũi nhọn, có tiềm năng, lợi thế, giá trị gia tăng cao; các ngành chế biến, chế tạo; các ngành công nghiệp hỗ trợ. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả cao với quy mô phù hợp theo từng ngành hàng, sản phẩm và thị trường.

3.14. Khơi dậy sức sáng tạo mạnh mẽ trong toàn xã hội, khuyến khích mọi hình thức sáng tạo, tôn vinh khoa học, tôn vinh sáng tạo. Quyết liệt đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở tăng cường ứng dụng KH&CN.

4. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020

4.1. Tuyên truyền, cung cấp thông tin về hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; kết quả đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo, hệ thống đổi mới sáng tạo theo các bộ chỉ số của quốc tế.

4.2. Thực hiện nhiệm vụ đầu mối theo dõi bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và nhóm chỉ số Công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo đánh giá Mức độ sẵn sàng cho sản xuất tương lai của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF). Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tập trung cải thiện các chỉ số thành phần để cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo theo xếp hạng của WIPO và WEF.

4.3. Tiếp tục thực hiện kế hoạch rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi. Cập nhật và công bố, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018, 2019; công khai bảng so sánh các điều kiện kinh doanh trước và sau khi

bãi bỏ, đơn giản hóa; hoàn thành trong tháng 01/2020. Với các thủ tục hành chính liên quan đến cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đơn giản hóa từ năm 2020 trở đi, thực hiện nghiêm việc công bố công khai theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

4.4. Đến hết năm 2020, thực hiện đầy đủ các cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Hoàn thành rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành¹. Trong quý I năm 2020 công bố công khai, đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Bộ về danh mục mã HS tương ứng kèm theo bảng so sánh danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước và sau khi cắt giảm.

4.5. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020.

4.6. Thực thi đầy đủ trách nhiệm được phân công về kiểm tra chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

4.7. Tăng cường thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ ở cấp độ 4; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

4.8. Rà soát, đề xuất dịch vụ công tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia, gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp trong năm 2020.

5. Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

5.1. Ứng dụng KH&CN trong giám sát hiệu quả việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo đảm chất lượng nguồn nước sinh hoạt; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước; thúc đẩy cơ chế chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.

5.2. Nghiên cứu sửa đổi quy định, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường phù hợp chuẩn mực khu vực và quốc tế. Hỗ trợ ứng dụng KH&CN trong xử lý, thu gom rác thải; giảm thiểu, giải quyết vấn đề rác thải nhựa. Thúc đẩy phát triển

¹ Danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành tính tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018.

KH&CN và đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp môi trường; từng bước nghiên cứu xây dựng nền kinh tế tuần hoàn. Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN nhằm xử lý ô nhiễm môi trường, nước, không khí, nhất là ở thủ đô Hà Nội và các đô thị lớn.

5.3. Triển khai các nhiệm vụ KH&CN nhằm tăng cường năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đảm bảo cảnh báo sớm và đủ độ chi tiết đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, biển; phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

6.1. Hướng dẫn, triển khai các chính sách về đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, phân đấu hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế 10% giai đoạn 2015 - 2021 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; cơ cấu lại, tinh giản biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách tiền lương. Đẩy mạnh phân cấp gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức cán bộ, công chức.

6.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; triển khai xây dựng Chính phủ điện tử dựa trên cơ sở thiết kế tổng thể, thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, tạo ra các dịch vụ nền tảng dùng chung. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch.

6.3. Tiếp tục thực hiện nghiêm Chi thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014, Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6.4. Đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra để đáp ứng đòi hỏi của việc chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Chương trình hành động của Chính phủ về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

6.5. Triển khai kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của Bộ; thực hiện đồng bộ các giải pháp trong các Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo các Nghị quyết của Chính phủ: Số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng. Tổ chức thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo Chi thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản và Nghị định số 78/2013/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập.

7. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

7.1. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về khoa học lý luận và KH&CN phục vụ nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ưu tiên cao nhất để đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

7.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực KH&CN trong các Hiệp định, thỏa thuận quốc tế đã ký kết. Tích cực tham gia, đóng góp có trách nhiệm và nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam về KH&CN và đổi mới sáng tạo trong các tổ chức, diễn đàn song phương và đa phương như: WTO, APEC, ASEM, ASEAN, APO, G20, hợp tác khu vực và tiểu vùng Mê Công.

- Tổ chức thực hiện tốt các hiệp định, thỏa thuận đã ký, đồng thời, ký kết và triển khai các hiệp định, thỏa thuận hợp tác mới về KH&CN và đổi mới sáng tạo. Tranh thủ tối đa vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, Chủ tịch AIPA 41 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc 2020-2021 để nâng cao hiệu quả hợp tác KH&CN và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường hoạt động hợp tác giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức tư vấn chuyển giao công nghệ trong nước với các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và khu vực.

8. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, thống kê và truyền thông; tăng cường công tác phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và cơ quan Trung ương của các đoàn thể

8.1. Triển khai toàn diện công tác thông tin, thống kê KH&CN và đổi mới sáng tạo, xây dựng cơ sở dữ liệu trên nền tảng số hóa, cung cấp dữ liệu đầu vào

cho quá trình hoạch định chiến lược, chính sách, quản lý, triển khai các nhiệm vụ KH&CN và đổi mới sáng tạo.

8.2. Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí; đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật cho doanh nghiệp và người dân. Tăng cường công khai, minh bạch và cung cấp thông tin về các vấn đề của ngành được xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2020. Kịp thời đánh giá, tổng kết và phản ánh hoạt động của ngành; phát hiện, phê phán và ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, sách nhiễu và tuyên dương những gương người tốt, những việc làm hay để nhân rộng trong toàn ngành.

8.3. Đổi mới, nâng cao hiệu quả phối hợp công tác với các Bộ, ngành liên quan, các đoàn thể, các địa phương trong kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các nội dung có liên quan tại Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ. Phối hợp rà soát kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp công tác đã ký kết giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các cơ quan liên quan, các địa phương để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

8.4. Đẩy mạnh phối hợp các cơ quan của Đảng, chính quyền, đoàn thể thuộc Bộ để kiểm tra, giám sát; tăng cường tuyên truyền vận động toàn thể cán bộ, công chức, người lao động thuộc Bộ đoàn kết thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chương trình hành động này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động và phụ lục kèm theo Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác năm của đơn vị; tổ chức triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính và Văn phòng Bộ) những vướng mắc và kiến nghị biện pháp xử lý.

2. Định kỳ **hàng tháng**, các đơn vị tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao vào Báo cáo chỉ đạo điều hành tháng, gửi **Văn phòng Bộ** tổng hợp báo cáo Bộ trưởng để kiểm điểm tình hình thực hiện tại giao ban tháng của Bộ và phục vụ phiên họp thường kỳ của Chính phủ.

3. Định kỳ **trước ngày 15 của tháng cuối quý**, các đơn vị tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp. **Trước ngày 20 của tháng cuối quý**, Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp thành báo cáo chung của Bộ trình Bộ trưởng để gửi



Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Trước ngày 15/11/2020, các đơn vị tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc Nghị quyết số 01/NQ-CP tại Chương trình hành động này và các nhiệm vụ trọng tâm triển khai năm 2019, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp. **Trước ngày 20/11/2020**, Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp thành báo cáo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Bộ trình Bộ trưởng để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Trước ngày 15/6/2020 và 15/12/2020, các đơn vị tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao, thuộc Nghị quyết số 02/NQ-CP, trong Chương trình hành động này và các nhiệm vụ trọng tâm triển khai năm 2019, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp. **Trước ngày 20/6/2020 và 20/12/2020**, Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp thành báo cáo thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Bộ trình Bộ trưởng để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

6. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình hành động. Trong quá trình tổ chức thực hiện chủ động báo cáo, kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm Chương trình hành động được thực hiện hiệu quả./.



Chu Ngọc Anh

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 01/01/2020

VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 02/NQ-CP NGÀY 01/01/2020 CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-BKHCN ngày 08/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
I	Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý tạo môi trường thuận lợi cho phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo					
1	Triển khai xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ để trình Quốc hội vào năm 2021	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	SHTT	PC, các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.	2020-2021
2	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định 99/2003/NĐ-CP quy định về Khu công nghệ cao.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	CNCHL, các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Nghị định trình Chính phủ	2020
3	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược vũ trụ giai đoạn đến 2030"	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ	2020
4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ	2020

¹ Đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp được viết tắt theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-BKHCN ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	và Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ					
II	Củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững					
5	Siết chặt kỷ luật tài chính - NSNN; tăng cường thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN ^(*) .	Bộ trưởng Chu Ngọc Anh	KHTC	VP, TTra và các đơn vị thuộc Bộ	Đảm bảo phân bổ và triển khai những nhiệm vụ chi thường xuyên đã được ngân sách trung ương giao trong dự toán đầu năm trước ngày 30/6/2020; đảm bảo công khai và minh bạch theo quy định.	2020
6	Quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công. Thực hiện phân bổ, thông báo vốn đầu tư công cho từng dự án theo đúng quyết định của các cấp có thẩm quyền ^(*) .	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	VP, KHTC	Các đơn vị dự toán	Bảo đảm giải ngân 100% dự toán chi đầu tư phát triển được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao năm 2020. Rà soát tiến độ các dự án trước tháng 9/2020.	2020
7	Giám sát chặt chẽ việc quản lý và sử dụng vốn vay, vốn ODA (Dự án Trung tâm Nghiên cứu KH&CN hạt nhân, Dự án đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, dự án Phát triển cơ sở hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc) ^(*) .	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	Các dự án có sử dụng vốn vay, vốn ODA	KHTC, HTQT và các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Đảm bảo dự án được kiểm tra và giám sát tuân thủ các quy định về quản lý dự án ODA của Chính phủ, Hiệp định Tài chính giữa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới và các quy định có liên quan của Ngân hàng Thế giới và Việt Nam (trong quản lý tài chính và quản lý đầu thầu) nhằm sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng quy định và hiệu quả. Đảm bảo các hoạt động tài chính được kiểm toán. Bảo đảm quá trình thực hiện của các tiểu dự án được theo dõi đánh giá và nghiệm thu theo cam kết trong các thỏa thuận tài trợ được phê duyệt và tiết kiệm tối đa chi phí.	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
8	Tiết kiệm chi thường xuyên, cân đối, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương ^(*) .	Thứ trưởng Lê Xuân Định	KHTC, VP	Các đơn vị thuộc Bộ	Không bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết, hạn chế mua ô tô, trang thiết bị đắt tiền; tiết kiệm tối đa chi tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài. Báo cáo tiết kiệm 10% chi thường xuyên và 40% nguồn thu hợp pháp được để lại của đơn vị dự toán thuộc Bộ.	2020
9	Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu.	Thứ trưởng Lê Xuân Định	KHTC, VP	Chủ đầu tư và các đơn vị dự toán	Phần đấu đưa tỷ lệ lựa chọn nhà thầu qua mạng bằng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi đạt tối thiểu 50% về số lượng gói thầu và 15% về tổng giá trị gói thầu.	2020
10	Theo dõi, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trong Hội đồng thẩm định nhà nước các dự án trọng điểm quốc gia.	Thứ trưởng Lê Xuân Định	ĐTGT	CNN và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2020
III	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại					
III.1	<i>Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia lấy doanh nghiệp làm trung tâm, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo</i>					
11	Hoàn thiện hành lang pháp lý phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước (**)	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	PTTĐN	PC, HTQT, các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và mô hình về hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia và kết nối với mạng lưới đổi mới sáng tạo ngoài nước nhằm tăng cường sức cạnh tranh, thu	

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
					hút đầu tư của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam	
12	Tiếp tục triển khai Đề án "Hỗ trợ sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025"(*).	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	PTTTDN	VPCTQG, các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Xây dựng kế hoạch, tuyển chọn, phê duyệt và đảm bảo tài chính cho các nhiệm vụ thuộc Đề án "Hỗ trợ sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025". Báo cáo định kì kết quả thực hiện	2020
13	Thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo ở Việt Nam. Phát triển, mở rộng mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo của Việt Nam.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	PTTTDN	ƯDCN, Các đơn vị thuộc Bộ	Xây dựng đề án và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt về định hướng và chủ trương phát triển các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.	2020
14	Khai thác và sử dụng hiệu quả Trung tâm Thông tin KH&CN khu vực phía Nam	Thứ trưởng Lê Xuân Định	CPN	VP, KHTC, các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Đưa vào khai thác và sử dụng hiệu quả Trung tâm Thông tin KH&CN khu vực phía Nam làm nền tảng tăng cường khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo cho Tp. Hồ Chí Minh và khu vực.	2020
15	Triển khai nhiệm vụ, giải pháp thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, đặc biệt nhằm đón đầu làn sóng đầu tư đang dịch chuyển từ Mỹ, Châu Âu sang khu vực Châu Á.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNCHL	HTQT, CNC và các đơn vị liên quan	Báo cáo định kỳ kết quả triển khai.	2020
III.2	Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp để bảo đảm lấy doanh nghiệp làm trung tâm của phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo					
16	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ	Thứ trưởng Lê Xuân Định	ĐTĐ	ƯDCN, KHTC	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.	3/2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	của doanh nghiệp.(*, **)					
17	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện đánh giá năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	ÚDCN	ĐTG, TTCNTT	Hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ các Bộ, ban, ngành địa phương tiến hành đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất trong trong một số ngành, lĩnh vực công nghệ chủ lực của ngành, địa phương. Xây dựng phần mềm đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất trong một số ngành, lĩnh vực.	2020
18	Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, nhất là công nghệ đã qua sử dụng, khuyến khích nhập khẩu công nghệ cao	Thứ trưởng Lê Xuân Định	ĐTG	ÚDCN, TTra	Tổ chức thực hiện công tác thẩm định, cho ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ năm 2017; Tổ chức triển khai Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg quy định nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; Tổ chức thanh, kiểm tra: hoạt động chuyển giao công nghệ sau đăng ký; việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của doanh nghiệp; hoạt động giám định của các tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.	
III.3	Phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, dịch vụ KH&CN					
19	Thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, dịch vụ KH&CN	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	PTTTDN	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện	2020
20	Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số	Thứ trưởng Trần Văn	PTTTDN	Các đơn vị thuộc Bộ	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	điều của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Tùng		có liên quan		
21	Tổ chức các sự kiện: Triển lãm sản phẩm sáng tạo kết nối doanh nghiệp; phát triển các sản phẩm dịch công nghệ, điểm kết nối cung cầu công nghệ; chợ công nghệ và thiết bị; trình diễn, kết nối cung - cầu và xúc tiến thương mại hóa công nghệ; diễn đàn xúc tiến đầu tư công nghệ; ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia	Lãnh đạo Bộ phụ trách	TTKHCN, PTTTĐN, ƯĐCN	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Sự kiện trình diễn kết nối cung cầu công nghệ; Hỗ trợ hình thành và vận hành 03 Điểm kết nối cung cầu công nghệ mới tại Thái Nguyên; Gia Lai; Tp HCM. Tổ chức sự kiện Techfest quốc gia và vùng trong năm 2020, hội nghị chuyên đề phát triển doanh nghiệp KH&CN, phát triển thị trường KH&CN năm 2020.	2020
III.4	Tái cơ cấu các Chương trình KH&CN Quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.					
22	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia(*).	Bộ trưởng Chu Ngọc Anh	KHTC	VPCTQG, CNC, CNN, ƯĐCN, PTTTĐN và các đơn vị có liên quan	Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ	2020
III.5	Nâng cao tiềm lực KH&CN, tập trung triển khai các hướng nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, nhất là các công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư					

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
23	Tính toán chỉ tiêu: Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trên GDP (*)	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Cập nhật đầy đủ các nguồn số liệu để tính toán và đánh giá. Báo cáo kết quả thực hiện.	2020
24	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*)	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ	2020
25	Triển khai hiệu quả Đề án "Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa".	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	TTKHCN	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Hoàn thiện bản đồ số, phát triển các ứng dụng về nhân đạo, an toàn thực phẩm, tư vấn dinh dưỡng, xây dựng bảo tàng số...	2020
26	Triển khai Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025: "Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0"	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	KHTC, VPCTĐ	Các kết quả nghiên cứu để đưa nhanh các ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất và đời sống	2020
27	Xây dựng Chiến lược trí tuệ nhân tạo quốc gia. Triển khai Kế hoạch nghiên cứu phát triển trí tuệ nhân tạo.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	Các đơn vị có liên quan	Chiến lược trí tuệ nhân tạo quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo định kì kết quả triển khai Kế hoạch.	Quý II/2020
28	Sửa đổi, bổ sung một số quy định quản lý Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016	Quý IV/2020
29	Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP).	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày 06/11/2015 hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ	Quý IV/2020
30	Triển khai Dự án hợp tác với Úc để đánh giá tác động của đổi mới công nghệ ở Việt	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	UDCN	HVKHCN &ĐMST,	Đánh giá tác động của đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, các ngành và cả nền kinh	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	Nam và đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI) tới tăng trưởng năng suất và GDP của các ngành kinh tế.			VPB, TĐC	tế, đặc biệt là với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam; Xác định các ngành kinh tế mới nổi khi ứng dụng công nghệ mới ở Việt Nam.	
III.6	Đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng					
31	Xây dựng Kế hoạch tổng thể quốc gia về năng suất hướng đến phát triển dựa trên đổi mới sáng tạo.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	HVKHCN, các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	2020
32	Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm xuất sắc về đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	HVKHCN, các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Đề án được Bộ trưởng phê duyệt.	2020
33	Triển khai thực hiện Đề án triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tại Việt Nam	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC, VP và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Xây dựng Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia; Bộ tài liệu hướng dẫn kết nối với công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; Các TCVN về truy xuất nguồn gốc: yêu cầu về thể thức vật mang dữ liệu; yêu cầu về mã truy vết địa điểm; yêu cầu về mã truy vết sản phẩm.	2020
34	Triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC, VP và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Nâng cao năng lực đo lường của doanh nghiệp Việt Nam	2020
35	Tổ chức xây dựng và hướng dẫn các Bộ, ngành xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	hóa, quy trình sản xuất, dịch vụ.					
36	Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020
37	Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn kiểm tra hoạt động tư vấn, đào tạo, hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân và hoạt động đánh giá sự phù hợp.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020
38	Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số nội dung ghi nhãn bắt buộc trên nhãn theo phương thức điện tử	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020
39	Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm rau, quả	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020
III.7	Bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế					
40	Phát triển và khai thác tài sản SHTT.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	SHTT	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Xác lập, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ nhờ sự hỗ trợ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 và các chương trình khác của Bộ; Nâng cao số lượng đơn đăng ký quyền SHCN, nâng cao số lượng văn bằng bảo hộ quyền SHCN được cấp.	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
41	Nâng cao hiệu suất xử lý đơn sáng chế và thúc đẩy đăng ký sáng chế	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	SHTT	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Số đơn sáng chế tăng 10%; số lượng đơn sáng chế được xử lý tăng 5%;	2020
III.8.	Tăng cường xã hội hóa đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp.					
42	Phát huy Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia để hỗ trợ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp (**)	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	NATIF	KHTC, VP, UĐCN, PTTĐN	Tăng cường số lượng các doanh nghiệp được nhận hỗ trợ của Quỹ phục vụ đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo	2020
43	Phát huy Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để hỗ trợ đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp (**)	Thứ trưởng Lê Xuân Định	KHTC	UĐCN, PTTĐN	Tăng tỷ lệ trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN trong doanh nghiệp	2020
III.9	Quyết liệt đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ					
44	Tập trung ứng dụng khoa học, công nghệ phát triển những ngành kinh tế mũi nhọn, có tiềm năng, lợi thế, giá trị gia tăng cao; các ngành chế biến, chế tạo; các ngành công nghiệp hỗ trợ	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	CNN, CNC	ĐP, KHTC và các đơn vị có liên quan	Tạo ra một số công nghệ, sản phẩm mới, tiên tiến về cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ; Triển khai có hiệu quả các Chương trình KH&CN quốc gia.	2020
45	Thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại, hiệu quả cao với quy mô phù hợp theo từng ngành hàng, sản phẩm và thị trường	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	CNN, CNC	ĐP, KHTC và các đơn vị có liên quan	Báo cáo định kì theo quý kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 57/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
46	Triển khai Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. (Quyết định 1851/QĐ-TTg).	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	UDCN	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Định hướng ưu tiên và thực hiện thúc đẩy chuyển giao công nghệ, làm chủ công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong 07 lĩnh vực.	2020
III.10	Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình					
47	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	NLNT	VNLNT và các đơn vị liên quan	Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ	2020
48	Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải chứa nguồn phóng xạ có nguồn gốc tự nhiên (NORM).	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	ATBX	VNLNT và các đơn vị liên quan	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020-2021
IV	Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020					
49	Tuyên truyền, cung cấp các thông tin về hệ thống đổi mới sáng tạo; kết quả đánh giá năng lực đổi mới sáng tạo, hệ thống đổi mới sáng tạo theo các bộ chỉ số của quốc tế.	Thứ trưởng Lê Xuân Định	TTKHCN	TTTT, HVKHCN	Xuất bản Sách KH&CN năm 2019 trước ngày 20/5/2020; Sách KH&CN thể giới trước ngày 30/11/2020. Các bài báo trên cổng thông tin KH&CN và các bản tin KH&CN định kỳ; Chuyên đề thông tin về đổi mới sáng tạo, tổng hợp, phân tích so sánh quốc tế theo các chỉ số đổi mới sáng tạo.	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
50	Thực hiện nhiệm vụ đầu mối theo dõi bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và nhóm chỉ số Công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo đánh giá Mức độ sẵn sàng cho sản xuất tương lai của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) ^(**) .	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	HVKHCN	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ đầu mối theo dõi bộ chỉ số ĐMST và nhóm chỉ số Công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo đánh giá Mức độ sẵn sàng cho sản xuất tương lai của WEF. Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ số được phân công, định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ KH&ĐT, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp.	2020
51	Cập nhật và công bố, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018, 2019	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	PC	TĐC, SHTT, ATBXHN, ĐTG, VP	Công khai bảng so sánh các điều kiện kinh doanh trước và sau khi bãi bỏ, đơn giản hóa.	01/2020
52	Thực hiện đầy đủ các cải cách về quản lý, kiểm tra chuyên ngành	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC, VP	Cải cách thực chất, hiệu quả về quản lý, kiểm tra chuyên ngành.	
53	Hoàn thành rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành ² .	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	PC, VP	Rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành.	
54	Công bố công khai, đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Bộ về danh mục mã HS tương ứng kèm theo bảng so sánh danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành trước và sau khi cắt giảm.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	TTCNTT	Danh mục được công khai trên Trang thông tin điện tử của Bộ.	Quý I/2020
55	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	TTCNTT, ĐTG, ATBXHN,	Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ đã phân công tại Quyết định số 2926/QĐ-BKHCN ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ	2020

² Danh mục mặt hàng quản lý, kiểm tra chuyên ngành tính tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018.

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020.			VP, PC	KH&CN.	
56	Tích hợp hệ thống dịch vụ bưu chính công ích lên công cung cấp dịch vụ công nhằm đáp ứng đầy đủ điều kiện kỹ thuật để cung cấp DVCTT ở cấp độ 4.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	TTCNTT	Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 4.	2020
V	Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu					
57	Ứng dụng KH&CN trong giám sát hiệu quả việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo đảm chất lượng nguồn nước sinh hoạt; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước; thúc đẩy cơ chế chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	XNT	CNN, CNC, ĐP và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Phối hợp với các Bộ ngành địa phương triển khai có hiệu quả và ứng dụng kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo đảm chất lượng nguồn nước sinh hoạt; theo dõi, đánh giá, dự báo tình hình suy thoái, cạn kiệt, xâm nhập mặn nguồn nước. Kịp thời cung cấp luận cứ khoa học phục vụ việc thúc đẩy cơ chế chia sẻ tài nguyên nước xuyên biên giới.	2020
58	Nghiên cứu sửa đổi quy định, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường phù hợp chuẩn mực khu vực và quốc tế.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TĐC	XNT, CNN, và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Hoàn thiện các tiêu chuẩn môi trường phù hợp chuẩn mực quốc tế làm cơ sở cho công tác bảo vệ môi trường.	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
59	Hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý, thu gom rác thải; giám thiếu, giải quyết vấn đề rác thải nhựa. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp môi trường; từng bước nghiên cứu xây dựng nền kinh tế tuần hoàn.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	XNT	CNN, CNC, ĐP, ĐTG và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Phối hợp với các Bộ ngành địa phương triển khai có hiệu quả và ứng dụng kết quả nghiên cứu về xử lý, thu gom rác thải; giám thiếu, giải quyết vấn đề rác thải nhựa; Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp môi trường; nghiên cứu xây dựng nền kinh tế tuần hoàn.	2020
60	Triển khai các nhiệm vụ KH&CN nhằm tăng cường năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đảm bảo cảnh báo sớm và đủ độ chi tiết đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, biển; phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	XNT	CNN, CNC, ĐP và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Phối hợp với các Bộ ngành địa phương triển khai có hiệu quả và ứng dụng kết quả nghiên cứu về dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, biển; phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu.	2020
VI	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực					
61	Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ	Bộ trưởng Chu Ngọc Anh	TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ được hướng dẫn về việc sắp xếp, tổ chức lại.	2020
62	Tiếp tục thực hiện Đề án tinh giản biên chế của Bộ KH&CN.	Thứ trưởng Trần Văn Tùng	TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định của Bộ trưởng về việc giao biên chế công chức và Quyết định của Bộ trưởng về việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động bảo đảm mục tiêu tinh giản	6/2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
					biên chế 10% giai đoạn 2015 - 2021 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW.	
63	Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, đổi mới phương thức, lề lối làm việc.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	VP	Các đơn vị thuộc Bộ	Tăng tối thiểu 20% số lượng cuộc họp theo hình thức trực tuyến; cắt giảm 20% chế độ báo cáo định kỳ...	2020
64	Xây dựng, công bố lịch tiếp dân của Lãnh đạo Bộ.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	TTra	Các đơn vị thuộc Bộ	Công bố công khai lịch tiếp dân của Lãnh đạo Bộ.	2020
65	Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.	Lãnh đạo Bộ phụ trách	Các đơn vị	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng.	
66	Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	TTra	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện.	
67	Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI.	Bộ trưởng Chu Ngọc Anh	Các đơn vị thuộc Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng.	2020
68	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm. Kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng "tham nhũng vặt", nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	TTra	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện.	2020
69	Tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng.	Thứ trưởng Phạm Công Tạc	TTra	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện.	2020
70	Cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	TTCNTT		Cập nhật được Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ KH&CN phiên bản 2.0 theo hướng dẫn mới của Bộ Thông tin và Truyền thông.	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
VII	Tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển					
71	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về khoa học lý luận và KH&CN phục vụ nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ưu tiên cao nhất để đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	CNC	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Báo cáo Bộ trưởng định kỳ hàng quý việc phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hình thành các hoạt động, nhiệm vụ KH&CN và phối hợp triển khai thực hiện.	2020
72	Tổ chức thực hiện tốt các hiệp định, thoả thuận hợp tác đã ký, đồng thời, ký kết và triển khai các hiệp định, thoả thuận hợp tác mới về KH&CN, ĐMST.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	HTQT, TĐC, SHTT	PTTĐN, TTKHCN, ƯDCN và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Báo cáo định kì kết quả thực hiện các nội dung hợp tác theo kế hoạch.	2020
73	Tích cực tham gia, đóng góp có trách nhiệm và nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam về KH&CN và đổi mới sáng tạo trong các tổ chức, diễn đàn song phương và đa phương như: WTO, APEC, ASEAN, ASEM, APO, G20, hợp tác khu vực và tiểu vùng Mê Công.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	HTQT	TĐC, SHTT và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Báo cáo định kì kết quả thực hiện.	2020
74	Tăng cường hoạt động hợp tác giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức tư vấn chuyên gia công	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	HTQT	PTTĐN, TTKHCN, ƯDCN và	Triển khai và quản lý hiệu quả các chương trình, dự án, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhiệm vụ	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
	nghe trong nước với các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và khu vực.			các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	CGCN với nước ngoài trong khuôn khổ các thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương.	
VIII	Đẩy mạnh thông tin, thống kê và truyền thông; tăng cường công tác phối hợp giữa Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể					
75	Đẩy mạnh xây dựng CSDL Quốc gia về KH&CN phục vụ công khai, minh bạch thông tin về hoạt động KH&CN; tăng cường công tác thống kê KH&CN và đổi mới sáng tạo	Thứ trưởng Lê Xuân Định	TTKHCN, PTTĐN	Các đơn vị thuộc Bộ	CSDL và số liệu thống kê KH&CN và ĐMST phục vụ thiết thực công tác quản lý và hoạch định chính sách.	2020
76	Củng cố hệ thống thông tin, báo cáo KH&CN và ĐMST: Phát triển, vận hành và khai thác hiệu quả các cổng thông tin về KH&CN, ĐMST, chuyên gia công nghệ, định chế trung gian để hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn sáng chế; công nghệ cần đổi mới, chuyên gia.	Thứ trưởng Lê Xuân Định	TTKHCN, PTTĐN	Các đơn vị thuộc Bộ	Phát triển, vận hành và khai thác hiệu quả các cổng thông tin về KH&CN, ĐMST.	2020
77	Triển khai Đề án “Phát triển nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.	Thứ trưởng Lê Xuân Định	TTKHCN	Các đơn vị thuộc Bộ	Phát triển toàn diện và bền vững nguồn tin KH&CN của quốc gia	2020
78	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dữ liệu thông tin đầu vào của cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	Thứ trưởng Lê Xuân Định	TTKHCN	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN	2020

TT	Nhiệm vụ	Lãnh đạo phụ trách	Đơn vị chủ trì ¹	Đơn vị phối hợp	Kết quả đạt được	Hoàn thành
79	Tổ chức các cuộc điều tra thống kê về khoa học và công nghệ.	Thứ trưởng Lê Xuân Định	TTKHCN	Các đơn vị liên quan thuộc Bộ	Báo cáo kết quả điều tra Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Điều tra Hội nhập quốc tế về KH&CN.	
80	Tuyên truyền, cung cấp kịp thời các thông tin về cơ chế, chính sách và các kết quả hoạt động KH&CN đến các cơ quan quản lý các cấp, các ngành và nhân dân.	Thứ trưởng Bùi Thế Duy	TTTT	KHPT, TCKHCN và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ	Khoảng 1.500 tin, bài trên các báo Trung ương và địa phương; 100 phóng sự truyền hình, 30 tin trên đài tiếng nói; các tọa đàm, giao lưu trực tuyến; các hội thảo, hội nghị, tập huấn...	2020

Ghi chú: (*) Là nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

(**) Là nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

